

Số: 01 /QĐ- THPTQS

Quế Sơn, ngày 02 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Công khai dự toán ngân sách năm 2025
HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT QUẾ SƠN

Căn cứ Quyết định 235/QĐ-UB ngày 28.01.1997 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc thành lập trường THPT Quế Sơn;

Căn cứ chức năng quyền hạn của Hiệu trưởng được qui định trong Điều 11 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Căn cứ Quyết định số 2839/QĐ- SGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2024 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của trường THPT Quế Sơn (theo biểu mẫu đính kèm)

Thời gian công khai: Từ ngày 02 /01 đến ngày 20/01/2024

Điều 2. Thủ trưởng đơn vị, bộ phận văn phòng, kế toán và các bộ phận có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. Quyết định này có hiệu lực từ ngày kí./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Sở GD&ĐT(Để biết);
- Lưu: VT².

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Ngọc Chín

UBND TỈNH QUẢNG NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 2839/QĐ-SGDĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Nam, ngày 27 tháng 12 năm 2024

Thời gian ký:
27.12.2024 16:57:40

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Quyết định số 26/2021/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Nam, được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 2952/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, gồm:

- Giao dự toán cho các trường THPT, PTDTNT (khoản 074). Chi tiết tại phụ lục số 01 đính kèm.
- Giao dự toán cho Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh (khoản 074). Chi tiết tại phụ lục số 02 đính kèm.
- Giao dự toán cho Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo (khoản 041, 074, 098, 103, 341). Chi tiết tại phụ lục số 03 đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Giáo dục và Đào tạo, Chánh văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng các trường có tên tại phụ lục và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- Kho bạc tỉnh, huyện, TX, TP;
- Lưu: VT, KH-TC.

GIÁM ĐỐC

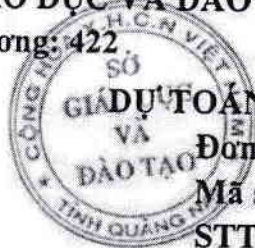


Thái Viết Tường

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH QUẢNG NAM

Phụ lục số 01

Mã chương: 422



TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Trường THPT Quế Sơn

Mã số QHNS: 1009978

STT: 26

(Kèm theo Quyết định số 2839/QĐ-SGDĐT ngày 27/12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Dự toán giao
A	Dự toán thu, chi từ nguồn học phí	
I	Dự toán thu	518.427
1	Thu học phí từ ngân sách cấp bù do miễn, giảm	33.075
2	Thu học phí từ ngân sách hỗ trợ theo NQ 26/2024/NQ-HĐND	485.352
II	Dự toán chi từ nguồn thu được để lại	518.427
	Chi từ nguồn thu học phí giáo dục phổ thông công lập	518.427
	Trong đó:	
	- Trích 40% số thu để bổ sung nguồn thực hiện CCTL (từ nguồn thu NSNN cấp bù do miễn, giảm HP theo ND số 81)	13.230
	- Chi trả phụ cấp thâm niên nhà giáo	58.940
	- Trích tối thiểu 5% chi hoạt động ngoại khóa	42.100
	- Trích tối thiểu 20% chi tăng cường cơ sở vật chất	58.940
	- Phần còn lại đơn vị dùng chi hoạt động	345.217
B	Dự toán chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo	14.780.147
I	Dự toán chi thường xuyên trong định mức	11.423.022
1	Dự toán chi thường xuyên trong định mức được giao tự chủ	11.423.022
1.1	Quỹ tiền lương (theo mức lương cơ sở 2.430.000 đồng)	10.410.885
	Chia ra:	
	- Quỹ tiền lương lao động thực tế có mặt	10.280.960
	- Tạm phân bổ tiền lương đối với giáo viên thiếu so với định mức để tuyển mới giáo viên hoặc tổ chức dạy tăng, dạy thay theo quy định	129.925
	Nguồn thực hiện chi quỹ tiền lương	
	Chia ra:	
	- Nguồn ngân sách nhà nước phân bổ	10.397.655
	- Sử dụng nguồn CCTL tại đơn vị để thực hiện tăng MLCS từ 1,49 triệu đồng lên 2,34 triệu đồng	13.230
1.2	Dự toán phân bổ chi hoạt động	1.025.367
	Trong đó đơn vị dành tối thiểu thực hiện các nhiệm vụ sau:	
	+ Dành tối thiểu 5% chi hoạt động ngoại khóa	93.370

TT	Nội dung	Dự toán giao
	+ Dành tối thiểu 20% để chi tăng cường cơ sở vật chất: mua sắm bổ sung kịp thời bàn ghế hư hỏng; thiết bị, công cụ, dụng cụ dạy học; sửa chữa, bảo dưỡng tài sản tại đơn vị	245.340
2	Dự toán chi TX trong định mức không giao tự chủ:	0
2.1	Hỗ trợ vận chuyển gạo đến trường theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP	0
2.2	Hỗ trợ phục vụ nấu ăn tập trung cho học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP và Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND	0
2.3	Hỗ trợ hoạt động ký túc xá học sinh nội trú theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP	0
II	Dự toán chi TX ngoài định mức không giao tự chủ:	3.357.125
1	Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	32.400
2	Cấp bù học phí do thực hiện chính sách miễn, giảm theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	33.075
3	Cấp bù học phí do thực hiện chính sách hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 26/2024/NQ-HĐND	485.352
4	Chế độ đối với học sinh các Trường PTDTNT theo Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT-BTC-BGDĐT	0
5	Chế độ đối với học sinh khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT/BGDĐT-BLĐTBXH-BTC	84.300
6	Chính sách đối với học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật theo Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND và 07/2024/NQ-HĐND	47.000
7	Chính sách hỗ trợ học sinh ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP	0
8	Phụ cấp ưu đãi giảng dạy người khuyết tật theo Nghị định số 28/2012/NĐ-CP	87.829
9	Chính sách đối với viên chức, người lao động công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP	0
10	Chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo theo Nghị định số 77/2021/NĐ-CP	1.733.353
11	Chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ làm việc tại các Trường (theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP)	0
12	Tiền lương lao động hợp đồng (ký kết hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP)	212.581
13	Quý tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	641.235